TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Lợi Niê.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Tha Mlô và ông Trương M Mẫn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về "tranh chấp về hôn nhân" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Chị Chíu Thị Th,** sinh năm 1976 (Có mặt)
2. **Bị đơn: Anh Triệu Đức M,** sinh năm 1973 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Ea M, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Chíu Thị Th trình bày*:**

Chị và anh Triệu Đức M tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là vì điều kiện, hoàn cảnh gia đình và vì nhận thức Pháp luật về hôn nhân gia đình còn hạn chế.

Quá trình chung sống chị và anh M có hai con chung gồm cháu Triệu Hoàng T, sinh ngày 09/10/1997, Triệu Hoàng H, sinh ngày 27/11/1999, các cháu đã lớn và phát triển bình thường. Hiện nay cả hai cháu đang làm công nhân tại Bình Phước.

Về tình cảm, lúc đầu hai người sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không có trách nhiệm với gia đình,

không lo làm ăn, thường xuyên kêu đau ốm, tuy nhiên ốm về bệnh gì thì anh M không đi khám. Trước đây chị Th và anh M có nhiều đất đai nhưng anh M đã đòi bán để lấy tiền đi về ngoài Bắc để chữa bệnh. Những lần đòi bán đất, chị Th không đồng ý giữa hai người lại xảy ra cãi vã. Trước thời điểm chị Th làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh M cũng đòi chị Th phải bán diện tích đất còn lại để lấy tiền về quê chữa bệnh. Do không còn chỗ để ở nên chị Th đã chấp nhận đưa tiền cho anh M 150.000.000đ, anh M đã làm giấy tờ giao lại toàn bộ tài sản cho chị Th. Anh M thường xuyên rượu chè, mỗi lần uống rượu say về lại chửi bới và xua đuổi chị Th. Đã lâu năm chị Th và anh M không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa mặc dù cả hai sống chung trong một mái nhà. Tình cảm giữa chị Th và anh M thực sự không còn nữa, chị Th đề nghị Tòa án không công nhận chị Th và anh M là vợ chồng.

Về con chung hiện nay cả hai cháu đang làm công nhân, cháu lớn đã 21 tuổi còn cháu nhỏ gần 19 tuổi, vì vậy việc các cháu ở với ai do các cháu quyết định.

Về tài sản: Chị Th và anh M đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình giải quyết án anh Triệu Đức M trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung của anh M và chị Th đúng như lời khai của chị Th. Kể từ khi chung sống đến nay cuộc sống giữa anh M và chị Th không hạnh phúc. Hai người thường xuyên cãi vã nhau, trong gia đình vợ chồng không có sự bàn bạc thống nhất, ai thích làm gì thì cứ làm. Mấy năm gần đây do bị trúng độc, anh M đã đi khám nhiều nơi nhưng không phát hiện ra bệnh nên anh M phải điều trị ngoài quê. Do thường xuyên đau ốm nên mấy năm trở lại đây anh M không giúp gì cho chị Th trong việc làm rẫy nương. Đã hơn 1 năm nay anh M và chị Th không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa mặc dù cả hai sống chung trong một mái nhà. Tình cảm giữa anh M, chị Th thực sự không còn nữa, anh M đồng ý với yêu cầu của chị Th, đề nghị Tòa án không công nhận anh M và chị Th là vợ chồng.

Về con chung hiện nay cả hai cháu đang làm công nhân, cháu lớn đã 21 tuổi còn cháu nhỏ gần 19 tuổi, vì vậy việc các cháu ở với ai do các cháu quyết định.

Về tài sản: Trước đây anh M, chị Th có một số đất, tuy nhiên đã bán đi để trả nợ. Tài sản hiện tại chỉ còn hơn 1 ha đất đã trồng cà phê, tiêu, trên đất đã có nhà xây. Anh M và chị Th đã tự thỏa thuận phân chia tài sản với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tống đạt quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Chíu Thị Th sống chung với anh Triệu Đức M từ năm 1996 đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ chị Th và anh M không được coi là vợ chồng. Nay chị Th xét thấy tình cảm hai người không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và duy trì được nữa nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị Th và anh M là vợ chồng, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh M cũng thừa nhận là hiện nay cuộc sống chung có mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn nên cũng đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người, xét thấy yêu cầu của họ là chính đáng nên cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Các cháu Triệu Hoàng T và Triệu Hoàng H đã trên 18 tuổi, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Chíu Thị Th và anh Triệu Đức M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Chíu Thị Th phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chíu Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Chíu Thị Th và anh Triệu Đức M là vợ chồng.

Về án phí: Chị Chíu Thị Th phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị Chíu Thị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0006834, ngày 26/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea M;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Lợi Niê